



Số: KQ.350.23.12-5

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

- 1 Đơn vị yêu cầu : Công ty CP Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp Bảo Minh.
2 Địa chỉ : Lô L1, đường D1, KCN Bảo Minh - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản – Nam Định
3 Vị trí lấy mẫu : KCN Bảo Minh - xã Liên Minh – huyện Vụ Bản
4 Số lượng/ Loại mẫu : 01 mẫu nước thải.
5 Ký hiệu : NTC09-12/23.
6 Thời gian gửi/lấy mẫu : 12/12/2023.

Bảng: Kết quả phân tích nước thải

TT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 40:2011/ BTNMT(A)	Phương pháp
			NTC 09-12/23		
01	pH	-	7,15	6-9	TCVN6492:2011
02	Tổng chất rắn lơ lửng	mg/l	32	50	TCVN6625:2000
03	Nhiệt độ	°C	27,7	40	SMEWW2550B:2017
04	Độ màu	Pt-Co	45	50	TCVN6185C:2008
05	COD	mg/l	53	75	SMEWW5220C:2017
06	BOD ₅ (20°C)	mg/l	21	30	TCVN6001-1:2008
07	Amoni (theo N)	mg/l	1,7	5	TCVN5988:1995
08	Sunfua	mg/l	0,14	0,2	SMEWW 4500S ² .B&D:2017
09	Clo dư	mg/l	0,7	1	TCVN6225-3:2011
10	Tổng Phôtpho	mg/l	1,2	4	TCVN6202:2008
11	Tổng Nito	mg/l	13	20	TCVN6638:2000
12	Asen	mg/l	<0,006	0,05	SMEWW 3114B:2017
13	Thủy ngân	mg/l	<0,0009	0,005	TCVN7877:2008
14	Cadimi	mg/l	<0,0012	0,05	SMEWW3113B:2017
15	Chì	mg/l	<0,009	0,1	SMEWW3113B:2017
16	Crom(VI)	mg/l	<0,009	0,05	SMEWW 3500-Cr.B:2017
17	Crom(III)	mg/l	<0,012	0,2	SMEWW 3113B:2017 SMEWW 3500Cr.B:2017
18	Đồng	mg/l	<0,09	2	SMEWW 3111B:2017
19	Kẽm	mg/l	<0,03	3	SMEWW 3111B:2017
20	Niken	mg/l	<0,09	0,2	SMEWW 3111B:2017
21	Mangan	mg/l	0,07	0,5	SMEWW3111B:2017
22	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	<0,09	-	TCVN6622-1:2009
23	Sắt	mg/l	0,4	1	TCVN6177:1996
24	Clorua	mg/l	368	500	TCVN6194:1996

25	Tổng Phenol	mg/l	0,02	0,1	TCVN6216:1996
26	Dầu mỡ khoáng	mg/l	<0,9	5	SMEWW 5520B&F:2017
27	Xianua	mg/l	<0,006	0,07	TCVN6181:1996
28	Hóa chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	<0,009	0,05	US EPA method 3510 US EPA method 3630C US EPA emthod 8270D
29	Tổng Coliform	Vi khuẩn/100ml	2.700	3.000	TCVN 8775:2011

Ghi chú

NTC09-12/23	Mẫu nước thải sau hồ sinh học của KCN, điểm trước khi chảy ra mương tiêu của xã sau đó ra kênh C9-5.
QCVN40:2011/BTNMT	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
Dấu (-)	Quy chuẩn không quy định

- Phiếu kết quả này bao gồm 02 trang
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị với mẫu nêu trên
- Không được sao trích một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Quan trắc và Phân tích Tài nguyên Môi trường - Sở Tài nguyên và Môi trường Nam Định.

PHÒNG PHÂN TÍCH

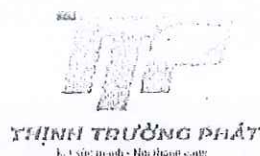
(Signature)

Đinh Thị Huyền

Ngày 21 tháng 12 năm 2023



Nguyễn Thành Trung



VIMCERTS 316

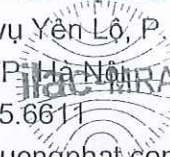
CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG THỊNH TRƯỜNG PHÁT
PHÒNG QUAN TRẮC VÀ XÉT NGHIỆM MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: LK423, Khu đất dịch vụ Yên Lỗ, P. Yên Nghĩa,

Q. Hà Đông, TP. Hà Nội

Tel: 081.585.6611

Mail: ttp2022@thinhtruongphat.com.vn



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số phiếu: 07093/2023/PKQ(23.4693)

- Đơn vị yêu cầu : Trung tâm quan trắc và phân tích Tài nguyên Môi trường tỉnh Nam Định
- Địa chỉ : Số 192, Cù Chính Lan, Thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định
- Địa điểm lấy mẫu : Công Ty Cổ phần đầu tư hạ Tầng KCN Bảo Minh- KCN Bảo Minh, xã Liên Minh, Vụ Bản , Nam Định
- Ngày nhận mẫu : 13/12/2023
- Ngày trả kết quả : 26/12/2023
- Tên mẫu :

STT	Mã hóa mẫu	Ký hiệu mẫu	Tên mẫu	Loại mẫu
1	N131223-149	NTC09-12/23	Nước thải	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

1. Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.

2. Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.

3. Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại

4. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng

5. KPH: Không phát hiện.

6. MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

7. KPT: Không phân tích



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã hóa mẫu: N131223-149)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	QCVN 40:2011/ BTNMT	
				NTC09-12/23	Cột A	Cột B
1	F ^(b)	mg/l	SMEWW 4500-F- B&D:2017	KPH (MDL = 0,020)	5	10
2	Hóa chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ ^(b)	mg/l	US EPA Method 3510C+ US EPA Method 3620C+ US EPA Method 8141B	KPH	0,3	1
3	PCBs ^(b)	mg/l	US EPA Method 3510C +US EPA Method 3630C +US EPA Method 3665 + US EPA Method 8082A	KPH	0,003	0,01
4	Tổng hoạt độ phóng xạ α ^(b)	Bq/l	TCVN 6053:2011	KPH (MDL = 0,020)	0,1	0,1
5	Tổng hoạt độ phóng xạ β ^(b)	Bq/l	TCVN 6219:2011	KPH (MDL = 0,2)	1	1

Chú thích:

(b)- Thông số được chứng nhận Vimcerts;

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

- Cột A: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt

- N131223-149: Nước thải (NTC09-12/23)

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Đỗ Thị Thuý Vân

Đỗ Thị Thuý Vân

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2023

P. GIÁM ĐỐC



Hữu Thị Ngân
Hữu Thị Ngân

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng gửi hoặc mẫu do bộ phận quan trắc của Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát lấy về.
- Đơn vị yêu cầu, địa chỉ, địa điểm lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Thời gian lưu mẫu: Không lưu mẫu đối với mẫu không khí, khí thải và vi sinh, 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Môi trường Thịnh Trường Phát không chịu trách nhiệm về khiếu nại kết quả của khách hàng
- KPH: Không phát hiện.
- MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp
- KPT: Không phân tích

